

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ TÙNG CHÂU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 131/QĐ-UBND

Tùng Châu, ngày 24 tháng 07 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
**Về việc công bố công khai số liệu quyết toán
thu - chi ngân sách năm 2022**

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

Căn cứ Luật Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015 và Nghị định 163/2016/NĐ - CP ngày 21/6/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2023 của HĐND xã khóa II, kỳ họp thứ 5 về việc phê chuẩn quyết toán thu - chi ngân sách năm 2022;

Xét đề nghị của Ban Tài chính - Ngân sách.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách nhà nước năm 2022 (theo các phụ biểu đính kèm).

Điều 2. Hình thức công khai: Công thông tin điện tử xã Tùng Châu; và niêm yết tại trụ sở UBND xã.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Văn phòng HĐND - UBND xã; Ban Tài chính ; Chủ tịch UBND xã và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Phòng Tài chính;
- Thường trực HĐND xã;
- Ban Kinh tế Ngân sách;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Lưu VT;TC



Nguyễn Ngọc Thơ



CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)	SO SÁNH (%)
A	B	1	2	3 = 2/1
I	TỔNG SỐ THU	4.886.274.000	7.474.353.007	152,97
1	Các khoản thu xã hưởng 100 %	295.000.000	175.518.000	59,50
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	183.500.000	48.682.270	26,53
3	Thu bổ sung	4.407.774.000	6.591.889.000	149,55
	- Bổ sung cân đối ngân sách	4.407.774.000	4.370.492.000	99,15
	- Bổ sung có mục tiêu		2.221.397.000	
4	Thu chuyển nguồn		658.263.737	
II	TỔNG SỐ CHI	1.465.500.000	7.370.979.007	502,97
1	Chi đầu tư phát triển		1.252.150.000	
2	Chi thường xuyên	1.323.980.000	6.118.829.007	462,15
3	Dự phòng	141.520.000		

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thuế, lệ phí Luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng dùng để phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã.



ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
	Tổng số thu	5.202.774.000	4.886.274.000	7.558.747.581	7.474.353.007	145,28	152,97
I	Các khoản thu 100%	295.000.000	295.000.000	175.518.000	175.518.000	59,50	59,50
1	Phí, lệ phí	25.000.000	25.000.000	13.568.000	13.568.000	54,27	54,27
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	180.000.000	180.000.000	70.800.000	70.800.000	39,33	39,33
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định			21.150.000	21.150.000		
5	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
6	Đóng góp của nhân dân theo quy định						
7	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân			20.000.000	20.000.000		
8	Thu khác	90.000.000	90.000.000	50.000.000	50.000.000	55,56	55,56
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	500.000.000	183.500.000	133.076.844	48.682.270	26,62	26,53
1	Các khoản thu phân chia	10.000.000	8.000.000	38.576.015	33.564.195	385,76	419,55
1.1	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp			16.900	16.900		
1.2	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
1.3	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh			13.500.000	13.500.000		
1.4	Lệ phí trước bạ nhà, đất	10.000.000	8.000.000	25.059.115	20.047.295	250,59	250,59
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	490.000.000	175.500.000	94.500.829	15.118.075	19,29	8,61
	Thu các khoản khác không phân chia cho xã			14.100			
2.1	Thu tiền sử dụng đất	300.000.000	135.000.000	23.164.626	10.424.083	7,72	7,72
2.2	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước			283.000	84.900		
2.3	Thuế tài nguyên	25.000.000	5.000.000				
2.4	Thuế giá trị gia tăng	165.000.000	35.500.000	20.545.454	4.609.092	12,45	12,98
2.5	Thuế thu nhập doanh nghiệp						
2.6	Thuế thu nhập cá nhân			50.493.649			
2.7	Thuế tiêu thụ đặc biệt						
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn						

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
V	Thu kết dư ngân sách năm trước			658.263.737	658.263.737		
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	4.407.774.000	4.407.774.000	6.591.889.000	6.591.889.000	149,55	149,55
1	Thu bổ sung cân đối	4.407.774.000	4.407.774.000	4.370.492.000	4.370.492.000	99,15	99,15
2	Thu bổ sung có mục tiêu			2.221.397.000	2.221.397.000		



ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX
A	B	1	2	3	4	5	6	7 = 4/1	8 = 5/2	9 = 6/3
	TỔNG CHI	1.465.500.000		1.465.500.000	7.370.979.007	1.252.150.000	6.118.829.007	502,97		417,53
	Trong đó:									
1	Chi công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội	405.000.000		405.000.000	588.634.100		588.634.100	145,34		145,34
2	Chi giáo dục	10.000.000		10.000.000						
3	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ									
4	Chi y tế	50.000.000		50.000.000	37.548.000		37.548.000	75,10		75,10
5	Chi văn hóa, thông tin	20.000.000		20.000.000	25.300.000		25.300.000	126,50		126,50
6	Chi phát thanh, truyền thanh	10.000.000		10.000.000						
7	Chi thể dục, thể thao	30.000.000		30.000.000	19.400.000		19.400.000	64,67		64,67
8	Chi bảo vệ môi trường									
9	Chi các hoạt động kinh tế	230.000.000		230.000.000	1.377.059.400	637.150.000	739.909.400	598,72		321,70
	Giao thông (GTGC xi măng)				208.539.000	208.539.000				
	Nông - lâm - thủy lợi - hải sản				1.168.520.400	428.611.000	739.909.400			
10	Chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể				4.086.320.307	615.000.000	3.471.320.307			
10.1	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	3.420.774.000	135.000.000	3.285.774.000						
	Quản lý Nhà nước				2.894.877.107	615.000.000	2.279.877.107			
	Tuyên truyền, PB pháp luật									
	Hội Đồng Nhân dân xã				266.678.200		266.678.200			
	Ủy ban nhân dân xã				2.628.198.907	615.000.000	2.013.198.907			
	Đảng Cộng sản Việt Nam				499.248.200		499.248.200			
	Mặt trận Tổ quốc Việt Nam				248.575.600		248.575.600			
	Ban thanh tra nhân dân									
11	Chi cho công tác xã hội	410.000.000		410.000.000	586.717.200		586.717.200	143,10		143,10
12	Khác (Chi nguồn làm lương)									
13	Chi khác (CCTL)	158.980.000		158.980.000						

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX
A	B	1	2	3	4	5	6	7 = 4/1	8 = 5/2	9 = 6/3
14	Dự phòng	141.520.000		141.520.000						
15	Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau				650.000.000		650.000.000			



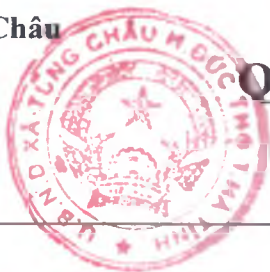
CÂN ĐỐI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: đồng

NỘI DUNG THU	QUYẾT TOÁN	NỘI DUNG CHI	QUYẾT TOÁN
Tổng số thu	7.474.353.007	Tổng số chi	7.370.979.007
I. Các khoản thu xã hưởng 100 %	175.518.000	I. Chi đầu tư phát triển	1.252.150.000
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	48.682.270	II. Chi thường xuyên	5.468.829.007
III. Thu bổ sung	6.591.889.000	III. Chi chuyển nguồn của ngân sách xã sang năm sau (nếu có)	650.000.000
- Bổ sung cân đối	4.370.492.000	IV. Chi nộp trả ngân sách cấp trên	
- Bổ sung có mục tiêu	2.221.397.000		
IV. Thu kết dư ngân sách năm trước	658.263.737		
V. Thu viện trợ			
VI. Thu chuyển nguồn từ năm trước sang của ngân sách xã (nếu có)			
Kết dư ngân sách	103.374.000		

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thu từ thuế, lệ phí Luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng có phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã.



QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN		QUYẾT TOÁN		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
	Tổng số thu	5.202.774.000	4.886.274.000	7.558.747.581	7.474.353.007	145,28	152,97
I	Các khoản thu 100%	295.000.000	295.000.000	175.518.000	175.518.000	59,50	59,50
1	Phí, lệ phí	25.000.000	25.000.000	13.568.000	13.568.000	54,27	54,27
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	180.000.000	180.000.000	70.800.000	70.800.000	39,33	39,33
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định			21.150.000	21.150.000		
5	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
6	Đóng góp của nhân dân theo quy định						
7	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân			20.000.000	20.000.000		
8	Thu khác	90.000.000	90.000.000	50.000.000	50.000.000	55,56	55,56
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	500.000.000	183.500.000	133.076.844	48.682.270	26,62	26,53
1	Các khoản thu phân chia	10.000.000	8.000.000	38.576.015	33.564.195	385,76	419,55
1.1	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp			16.900	16.900		
1.2	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
1.3	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh			13.500.000	13.500.000		
1.4	Lệ phí trước bạ nhà, đất	10.000.000	8.000.000	25.059.115	20.047.295	250,59	250,59
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	490.000.000	175.500.000	94.500.829	15.118.075	19,29	8,61
	Thu các khoản khác không phân chia cho xã			14.100			
2.1	Thu tiền sử dụng đất	300.000.000	135.000.000	23.164.626	10.424.083	7,72	7,72
2.2	Thu tiền thuế mặt đất, mặt nước			283.000	84.900		
2.3	Thuế tài nguyên	25.000.000	5.000.000				
2.4	Thuế giá trị gia tăng	165.000.000	35.500.000	20.545.454	4.609.092	12,45	12,98
2.5	Thuế thu nhập doanh nghiệp						
2.6	Thuế thu nhập cá nhân			50.493.649			
2.7	Thuế tiêu thụ đặc biệt						
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN		QUYẾT TOÁN		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
IV	Thu chuyển nguồn						
V	Thu kết dư ngân sách năm trước			658.263.737	658.263.737		
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	4.407.774.000	4.407.774.000	6.591.889.000	6.591.889.000	149,55	149,55
1	Thu bổ sung cân đối	4.407.774.000	4.407.774.000	4.370.492.000	4.370.492.000	99,15	99,15
2	Thu bổ sung có mục tiêu			2.221.397.000	2.221.397.000		

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			QUYẾT TOÁN			SO SÁNH QT/DT(%)		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN
A	B	1	2	3	4	5	6	7 = 4/1	8 = 5/2	9 = 6/3
13	Chi khác (CCTL)	158.980.000		158.980.000						
14	Dự phòng	141.520.000		141.520.000						
15	Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau				650.000.000		650.000.000			

Số: 23/NQ - HĐND

Tùng Châu, ngày 19 tháng 7 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Về việc phê chuẩn quyết toán thu chi ngân sách xã năm 2022

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ TÙNG CHÂU
KHOÁ II, KỲ HỌP THỨ 5**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi bổ sung một số điều của luật tổ chức chính phủ và luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Xét tờ trình số 252/TTr-UBND về việc xin phê chuẩn quyết toán thu - chi ngân sách xã năm 2022 ngày 10/7/2023 của Ủy ban nhân dân xã; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân xã Tùng Châu; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Phê chuẩn quyết toán thu - chi ngân sách năm 2022 của UBND xã Tùng Châu như sau:

I	Tổng thu NSNN	7.474.353.007
	Trong đó:	
1	Các khoản thu xã hưởng 100%	175.518.000
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %	48.682.270
3	Thu kết dư ngân sách năm trước chuyển sang	658.263.737
4	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	6.591.889.000
II	Tổng Chi	7.370.979.007
	Trong đó:	
1	Chi thường xuyên	5.468.829.007
2	Chi đầu tư phát triển	1.252.150.000
3	Chi chuyển nguồn sang NS năm sau	650.000.000
III	Kết dư ngân sách	103.374.000

Điều 2: HĐND xã nhất trí phê chuẩn quyết toán thu - chi ngân sách năm 2022 xã Tùng Châu.

Nghị quyết này đã được HĐND xã khóa II kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 7 năm 2023 biểu quyết nhất trí./.

Nơi nhân:

- TT HĐND huyện, phòng tư pháp;
- TT HĐND xã, UBND xã;
- Các đại biểu HĐND xã;
- Lưu VP - HĐND, UBND.

